245. Số cơ sở y tế và số giường bệnh do địa phương quản lý

Number of health establishments and patient beds under direct management of local authority

	2010	2015	2016	2017	Sơ bộ *Prel.* 2018
Cơ sở y tế (Cơ sở) - *Health establishments (Establishment)*	**129**	**128**	**129**	**131**	**131**
Bệnh viện - *Hospital*	9	12	13	15	15
Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng - *Sanatorium and rehabilitation hospital*	-	-	-	-	-
Bệnh viện da liễu - *Leprosariums*	-	-	-	-	-
Nhà hộ sinh - *Marternity clinic*	1	1	1	1	1
Phòng khám đa khoa khu vực - *Regional polyclinic*	8	4	4	-	-
Trạm y tế xã, phường - *Medical service unit in communes, precincts*	111	111	111	111	111
Trạm y tế của cơ quan, xí nghiệp - *Medical service unit in offices, enterprises*	-	-	-	4	4
Cơ sở y tế khác - *Others*	-	-	-	-	-
Giường bệnh (Giường) - *Patient bed (Bed)*	**2.120**	**2.525**	**2.518**	**2.968**	**3.145**
Bệnh viện - *Hospital*	1.400	1.880	1.837	2.135	2.320
Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng - *Sanatorium and rehabilitation hospital*	-	-	-	-	-
Bệnh viện da liễu - *Leprosariums*	-	-	-	-	-
Nhà hộ sinh - *Marternity clinic*	35	30	15	30	30
Phòng khám đa khoa khu vực - *Regional polyclinic*	130	40	40		
Trạm y tế xã, phường - *Medical service unit in communes, precincts*	555	575	626	515	555
Trạm y tế của cơ quan, xí nghiệp - *Medical service unit in offices, enterprises*	-			288	240
Cơ sở y tế khác - *Others*	-	-	-	-	-